

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST

Ngày 29- 9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thắm, Ông Lê Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Nam- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 6- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Nguyễn Thị H](#), sinh năm 1995

Căn cước công dân số 038195041762 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 12/02/2023

Nơi cư trú: [Tổ dân phố C N, phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#)
(có mặt)

- Bị đơn: Anh [Đặng Đức H1](#), sinh năm 1979

Căn cước công dân số 038079009044 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 30/6/2022.

Nơi cư trú: [Tổ dân phố C N, phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#)

Hiện nay anh [H1](#) đang chấp hành án tại phân trại số 1, [Trại giam S- Cục C-Bô C1](#) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2025, tại bản tự khai ngày 24/6/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Nguyên đơn - chị [Nguyễn Thị H](#) trình bày:

Chị [Nguyễn Thị H](#) kết hôn với anh [Đặng Đức H1](#) vào năm 2016, đăng ký tại [UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay là [UBND phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#)). Trước khi kết hôn, hai bên có sự tìm hiểu, tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh [H1](#) chơi bời, không chịu làm ăn và không có trách nhiệm với vợ con. Bản thân chị [H](#) phải một mình gồng gánh nuôi con mà không nhận được sự san sẻ từ chồng, khiến chị rất mệt mỏi. Chị [H](#) đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên anh [H1](#) thay đổi cách sống, nhưng không có kết quả. Anh [Đặng Đức H1](#) không những không thay đổi mà còn sa ngã vào con đường phạm tội, phải đi chấp hành án trong trại giam. Nay chị [H](#) xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Đặng Đức H1](#).

Về phần con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu [Đặng Thiên P](#) (giới tính: nam), sinh ngày 21/01/2017 và cháu [Đặng Thu H2](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2023. Chị [H](#) xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh [Đặng Đức H1](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung vì điều kiện hiện nay anh [H1](#) đang chấp hành án, không có khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản: Chị [Nguyễn Thị H](#) không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2025, Bị đơn - anh [Đặng Đức H1](#) trình bày:

Về hôn nhân: Anh [Đặng Đức H1](#) và chị [Nguyễn Thị H](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại [UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay là [UBND phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#)). Quá trình chung sống, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì lớn cho đến năm 2023, anh phải đi chấp hành án tại [Trại giam S-Bộ C1](#) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với mức án Toà án đã xét xử là 8 năm 6 tháng. Chị [Nguyễn Thị H](#) vợ anh chưa lần nào vào thăm anh trong trại giam. Anh biết vợ anh còn trẻ, mức án của anh còn dài nếu chị [H](#) muốn ly hôn anh thì anh cũng không níu kéo. Tuy nhiên, anh muốn chị vào thăm anh một lần để nói chuyện rõ ràng.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là các cháu [Đặng Thiên P](#) (giới tính: nam), sinh ngày 21/01/2017 và cháu [Đặng Thu H2](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2023. Anh chưa có ý kiến gì, vì anh muốn gặp vợ anh nói chuyện sau đó anh mới có quan điểm về phần con.

Về tài sản: Anh [Đặng Đức H1](#) không có ý kiến về phần tài sản.

Về công nợ: Vợ chồng không có nợ nần gì chung.

Tại phiên tòa, chị [Nguyễn Thị H](#) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh [Đặng Đức H1](#), xin được nuôi cả hai con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản. Tại phiên tòa, vắng mặt anh [Đặng Đức H1](#) vì điều kiện anh [H1](#) đang chấp hành án nên không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh [H1](#).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về hôn nhân: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xử cho chị [Nguyễn Thị H](#) được ly hôn anh [Đặng Đức H1](#), về phần con chung: đề nghị Tòa án giao hai con chung của anh [H1](#) và chị [H](#) là các cháu [Đặng Thị H](#) (gửi ảnh: nam) sinh ngày 21/02/2017 và cháu [Đặng T](#) (gửi ảnh: nữ) sinh ngày 22/5/2023 cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh [H1](#) không phải cấp dưỡng để nuôi con chung với chị [H](#) về tài sản. Các đương sự không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Xét về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên chi [H](#) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị [Nguyễn Thị H](#) khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với [Đặng Đức H1](#) là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Anh [Đặng Đức H1](#) có địa chỉ tại [tổ dân phố C, N, phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#). Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá.

[2] Về nội dung vụ án:

1/ Về hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị H](#) kết hôn với anh [Đặng Đức H1](#) vào năm 2016, đăng ký tại [UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay là [UBND phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#)). Như vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, theo chị [H](#) khai do anh [H1](#) chơi bời, không quan tâm đến vợ con, bản thân chị [H](#) phải gồng gánh nuôi 02 con chung. Đến năm 2023, anh [H1](#) phạm tội phải đi chấp hành án tại trại giam. Bản thân chị [H](#) cảm thấy mệt mỏi, không có lối thoát. Về phía anh [Đặng Đức H1](#) trình bày, anh không nín kéo, nếu chị [Hoa cương Q](#) xin ly hôn anh. HĐXX xét thấy, mặc dù anh [H1](#) không có ý kiến gì về việc chị [H](#) có đơn ly hôn với anh, nhưng anh cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Theo kết quả xác minh tại gia đình anh [Đặng Đức H1](#), mẹ anh [H1](#) là bà [Phạm Thị O](#) cho biết, trước khi kết hôn, chị [H](#) đã biết anh [H1](#) là đối tượng nghiện chất ma túy nhưng vẫn chấp nhận lấy anh [H1](#). Quá trình chung sống, không thấy mâu thuẫn gì lớn, chỉ từ khi anh [H1](#) đi chấp hành án, chị [H](#) một mình phải nuôi con nên cảm thấy áp lực và đã đưa hai cháu về ở bên gia đình bên ngoại gần hai năm nay.

Theo kết quả xác minh tại địa phương, thể hiện chị [H](#) và anh [H1](#) sống cùng với mẹ chồng là bà [Phạm Thị O](#) một thời gian, sau đó chị [H](#) đưa con đi nơi khác sinh sống và có đến báo cáo với trưởng khu phố về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị.

Theo anh [H1](#) khai từ khi anh đi chấp hành án chị [Nguyễn Thị H](#) chưa lần nào đến thăm anh. Về phía anh [H1](#) cảm thấy chị [H](#) còn trẻ mà mức án của anh phải chấp hành còn dài anh không muốn níu kéo nhưng vẫn muốn gặp chị [H](#) một lần. Xét thấy, hôn nhân giữa chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Đặng Đức H1](#) đã rạn nứt, chị [Hoa cương Q](#) xin ly hôn, nên cần phải chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, xử cho chị [Nguyễn Thị H](#) được ly hôn anh [Đặng Đức H1](#) là phù hợp với các quy định của pháp luật.

2/ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu [Đặng Thiên P](#) (giới tính: nam), sinh ngày 21/01/2017 và cháu [Đặng Thu H2](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2023. Xét thấy, điều kiện hiện nay anh [H1](#) đang chấp hành án tại Trại giam, không thể nuôi được các con nên giao hai con chung của anh [H1](#) và chị [H](#) cho chị [Nguyễn Thị H](#) được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Chị [H](#) không đề nghị anh [H1](#) cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về phần tài sản: Các đương sự không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Chị [Nguyễn Thị H](#) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Mục 1.1 phần II Danh mục về mức án phí ban hành theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị H](#).

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị H](#) được ly hôn anh [Đặng Đức H1](#).
- Về phần con chung: Giao hai con chung của chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Đặng Đức H1](#) là các cháu [Đặng Thiên P](#) (giới tính: nam), sinh ngày 21/01/2017 và cháu [Đặng Thu H2](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2023 cho chị [Nguyễn Thị H](#) được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh [Đặng Đức H1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh [Đặng Đức H1](#) được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.
Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị [Nguyễn Thị H3](#) phải nộp án phí dân sự là 300.000đ, được trừ đi số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số 0004783, ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6-Thanh Hoá). Như vậy, chị [Nguyễn Thị H](#) đã thi hành xong khoản án phí DSST.

Án xử sơ thẩm công khai, chị [Nguyễn Thị H](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025), anh [Đặng Đức H1](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- VKSND Khu vực 6-Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá (Đk năm 2016);
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Hương